

Trà Cú, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Số: 66/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lâm Quang C** (tên gọi khác **Lâm Văn C1**), sinh năm 1957. Quê quán **ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**. Nơi cư trú hiện nay **ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

- Bị đơn: Bà **Thạch Thị Ú**, sinh năm 1967. Địa chỉ **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Sơn Thành P**, sinh năm 1966. Địa chỉ **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Ông **Sơn T**, sinh năm 1990. Địa chỉ **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 1986. Địa chỉ **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Ông **Thạch H**, sinh năm 1985. Địa chỉ **ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Kim Thị A**, sinh năm 1957. Địa chỉ **ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Thạch Thị T1**, sinh năm 1955. Địa chỉ **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Dương Thị K**, sinh năm 1929. Địa chỉ **ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Lâm Thị L**, sinh năm 1961. Địa chỉ **ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Lâm Thị T2**, sinh năm 1968. Địa chỉ **ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Lâm Thị Đ**, sinh năm 1978. Địa chỉ **ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Lâm Thị H1**, sinh năm 1965. Địa chỉ **ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh**

Bà **Trần Thị T3**, sinh năm 1956. Địa chỉ **ấp Mé Rạch B, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Lâm Quang C** (tên gọi khác **Lâm Văn C1**) và bà **Kim Thị A** thống nhất giao cho bà **Thạch Thị Ú** và ông **Sơn Thành P** được quyền sử dụng đất diện tích thực đo $205,3\text{m}^2$ thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 4, loại đất cây ăn quả, tọa lạc **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh** (đất hiện do bà **Thạch Thị Ú**, ông **Sơn Thành P** đang quản lý, sử dụng), vị trí diện tích $205,3\text{m}^2$ đất nói trên thuộc phần $A = 32,4\text{m}^2$, phần $B = 172,9\text{m}^2$; sơ đồ khu đất $A + B$ có tứ cận chung như sau:

- Hướng đông giáp thửa 177 có số đo: 58m (tính từ mốc số 3 đến mốc số 4).

- Hướng tây giáp thửa 176 có số đo tính từ hướng bắc vào hướng nam lần lượt các cạnh nối tiếp nhau như sau: Đoạn 1 có số đo 16,3m (tính từ mốc số 1 đến mốc số 8), đoạn 2 có số đo 9,5m (tính từ mốc số 8 đến mốc số 7), đoạn 3 là đoạn ngang có số đo 7,5m (tính từ mốc số 7 đến mốc số 6) và đoạn 4 có số đo 27,9m (tính từ mốc số 6 đến mốc số 5).

- Hướng nam giáp thửa 174 có số đo: 16,3m (tính từ mốc số 4 đến mốc số 5).

- Hướng bắc giáp thửa 164 có số đo: 08m (tính từ mốc số 1 đến mốc số 3).

(Có sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 1400/CNHTTrC, ngày 26/7/2024 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**).

Phần C diện tích $117,7\text{m}^2$ thuộc thửa 176, diện tích 740m^2 , tờ bản đồ số 4, loại đất cây ăn quả, tọa lạc **ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh** các bên thống nhất không tranh chấp.

Bà **Thạch Thị Ú**, ông **Sơn Thành P** thống nhất hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích $205,3\text{m}^2$ thửa 176 nói trên cho ông **Lâm Quang C** bằng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Đối với bà **Kim Thị A** thống nhất không tranh chấp yêu cầu ông **Lâm Quang C** chia số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Thạch Thị Ú, ông Sơn Thành P có trách nhiệm liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 176, diện tích 740m², tờ bản đồ số 4, loại đất cây ăn quả, tọa lạc ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Thạch Thị Ú, ông Sơn Thành P quản lý).

Về tiền chi phí tố tụng 2.269.000 đồng, ông Lâm Quang C chịu toàn bộ.

Về án phí dân sự hòa giải thành bằng 375.000 đồng, ông Lâm Quang C phải chịu 187.500 đồng, bà Thạch Thị Ú và ông Sơn Thành P phải chịu 187.500 đồng. Xét ông Lâm Quang C là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông Lâm Quang C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Truyền